

Nâng cao chất lượng xử lý, quản lý chất thải rắn đô thị tại Việt Nam

Nếu năm 2000, nước ta có 649 đô thị, thì giữa năm 2011, con số này là 755 đô thị lớn, nhỏ. Đô thị hóa mạnh mẽ đã làm gia tăng chất thải rắn (CTR), dẫn theo những hậu quả về môi trường, xã hội và sức khỏe con người. Quản lý, xử lý CTR đô thị là một việc làm không dễ, đòi hỏi sự nhập cuộc của người dân và toàn xã hội.

Thực trạng chất thải rắn đô thị tại Việt Nam

Theo Báo cáo môi trường năm 2011 do Bộ Tài Nguyên và Môi trường vừa mới công bố, tổng lượng CTR sinh hoạt ở các đô thị phát sinh trên toàn quốc tăng trung bình 10÷16% mỗi năm. Tại hầu hết các đô thị, khối lượng CTR sinh hoạt chiếm khoảng 60-70% tổng lượng CTR đô thị (một số đô thị tỷ lệ này lên đến 90%).

Kết quả điều tra tổng thể năm 2006-2007 đã cho thấy, lượng CTR đô thị phát sinh chủ yếu tập trung ở hai đô thị đặc biệt là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, chiếm tới 45,24% tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh, tương ứng khoảng 8.000 tấn/ngày (2,92 triệu tấn/năm). Tính đến thời điểm hiện tại, tổng lượng và chỉ số phát sinh CTR đô thị của đô thị đặc biệt và đô thị loại 1 hiện nay đã tăng lên rất nhiều.

Lượng CTR đô thị ngày càng tăng và thành phần ngày càng phức tạp, do một loạt các nguyên nhân như: Dân di cư từ nông thôn ra thành thị tăng; Mức sống ngày càng cao nên tiêu dùng ngày càng đa dạng... Dự báo, chỉ số phát sinh CTR đô thị trung bình ở Việt Nam trong những năm 2015, 2020, 2025 vào khoảng 1,2; 1,4; 1,6 kg/người/ngày.

Công tác thu gom CTR đô thị mặc dù ngày càng được chính quyền các cấp quan tâm, nhưng



Tình trạng rác thải rắn chưa được xử lý bị đổ thẳng ra môi trường khá phổ biến

do lượng CTR đô thị ngày càng tăng, trong khi năng lực thu gom còn hạn chế, cả về thiết bị lẫn nhân lực, nên tỷ lệ thu gom vẫn chưa đạt yêu cầu. Mặt khác, do nhận thức của người dân còn chưa cao, nên lượng rác bị vứt bừa bãi ra môi trường còn nhiều; Việc thu gom có phân loại tại nguồn vẫn chưa được áp dụng rộng rãi do thiếu đầu tư cho hạ tầng cơ sở cũng như thiết bị, nhân lực và nâng cao nhận thức.

Theo báo cáo của các sở tài nguyên và môi trường năm 2010, một số đô thị đặc biệt, đô thị loại 1, có tỷ lệ thu gom đạt mức cao hơn như: Hà Nội đạt khoảng 90 - 95% ở 4 quận nội thành cũ; TP. Hồ Chí Minh đạt 90 - 97%; Huế,

Đà Nẵng, Hải Phòng đều đạt khoảng 90% ở khu vực nội thành; các đô thị loại 2 cũng có cải thiện đáng kể, đa số các đô thị loại 2 và 3 đều đạt tỷ lệ thu gom ở khu vực nội thành đạt trên 80%. Ở các đô thị loại 4 và 5, công tác thu gom được cải thiện không nhiều do bị hạn chế nguồn lực.

Việc tái sử dụng và tái chế CTR vẫn còn hạn chế

CTR đô thị có thể tái sử dụng, tái chế thành các sản phẩm như: các chất thải hữu cơ chế biến làm phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; tái chế giấy, kim loại, nhựa, thủy tinh... Tuy nhiên, theo báo cáo của các sở tài nguyên và môi

trường, tỷ lệ tái chế các chất thải làm phân hữu cơ và tái chế giấy, nhựa, thủy tinh, kim loại như sắt, đồng, chì, nhôm... chỉ đạt khoảng 8÷12% CTR đô thị thu gom được. Còn theo ước tính của JICA, lượng CTR là giấy, kim loại, nhựa được tái chế chiếm khoảng 8,2% lượng rác thu gom được. Tại thời điểm năm 2009, Hà Nội là 348 tấn/ngày, Tp. Hồ Chí Minh 554 tấn/ngày, Hải Phòng 86,5 tấn/ngày, Đà Nẵng 56,7 tấn/ngày, Huế 16,9 tấn/ngày.

Xử lý phân hữu cơ của rác thải thành phân hữu cơ hiện là một phương pháp phổ biến đang được sử dụng ở Việt Nam. Thống kê sơ bộ cho thấy, không quá 10 nhà máy làm phân hữu cơ đang hoạt động có công suất khoảng 200 tấn/ngày chất thải đầu vào, và chỉ có 1 nhà máy công suất 600 tấn/ngày tại TP. Hồ Chí Minh. Nếu hoạt động đủ công suất, thì số lượng rác thải được xử lý làm phân hữu cơ khoảng 2.500 tấn/ngày, chiếm khoảng 10% CTR đô thị phát sinh. Tuy vậy, thực tế, các nhà máy này đều chưa hoạt động đủ công suất thiết kế, do tiêu thụ phân hữu cơ còn gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay, việc tái chế các chất thải ở Việt Nam hầu hết do tư nhân và các làng nghề đảm nhiệm. Tuy là các hoạt động tự phát, nhưng rất phát triển, vì chúng mang lại lợi ích kinh tế cho người dân. Khoảng 90% chất thải như giấy, nhựa, kim loại được tạo thành sản phẩm tái chế, còn khoảng 10% thành chất thải sau tái chế. Song, công nghệ tái chế ở các làng nghề phần lớn là thủ công, lạc hậu, nên gây ô nhiễm môi trường nặng nề.

Một cách phổ biến để xử lý CTR đô thị là sử dụng hình thức chôn lấp. Tỷ lệ CTR được chôn lấp hiện chiếm khoảng 76 - 82% lượng CTR thu gom được (trong đó: khoảng 50% được chôn lấp hợp vệ sinh, 50% chôn lấp không hợp vệ sinh). Thống kê trên toàn quốc có 98 bãi chôn lấp chất thải tập trung ở các thành phố lớn đang vận hành, nhưng chỉ có 16 bãi được coi là hợp vệ sinh. Ở

phần lớn các bãi chôn lấp, việc chôn lấp rác được thực hiện hết sức sơ sài. Báo cáo năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (*Quyết định phê duyệt "Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng"*) cho thấy, trên toàn quốc còn đến 27/52 bãi chôn lấp vẫn đang triển khai xử lý ô nhiễm triệt để; chỉ có 25/52 bãi chôn lấp không còn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Vì thế, thời gian tới, công nghệ xử lý CTR tại Việt Nam sẽ được phát triển theo hướng giảm thiểu tối đa lượng rác thải chôn lấp và tăng cường tỷ lệ tái chế, tái sử dụng.

Như vậy, cùng với lượng CTR được tái chế, hiện ước tính có khoảng 60% CTR đô thị đã được xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh và tái chế trong các nhà máy xử lý CTR để tạo ra phân compost, tái chế nhựa...

Và những tác hại tới môi trường và sức khỏe con người

Việc quản lý CTR không hợp lý, xử lý CTR không hợp kỹ thuật, vệ sinh là những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.

Tại Việt Nam, hoạt động phân loại CTR tại nguồn chưa được phát triển rộng rãi, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật còn hạn chế, phần lớn phương tiện thu gom CTR không đạt quy chuẩn kỹ thuật và không đảm bảo vệ sinh môi trường. Các điểm tập kết CTR (điểm hẹn, trạm trung chuyển) chưa được đầu tư xây dựng đúng mức, gây mất vệ sinh. Tại nhiều khu vực, hệ thống vận chuyển chưa đáp ứng nhu cầu vận chuyển CTR hàng ngày, gây tình trạng tồn đọng CTR trong khu dân cư. Nhìn chung, tất cả các giai đoạn quản lý CTR từ khâu thu gom, vận chuyển đến khâu xử lý (chôn lấp, đốt) đều gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, tình trạng ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất do không xử lý

tốt CTR đã, đang diễn ra nghiêm trọng.

Việc quản lý và xử lý CTR không hợp lý không những gây ô nhiễm môi trường, mà còn ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe con người, đặc biệt đối với người dân sống gần khu vực làng nghề, khu công nghiệp, bãi chôn lấp chất thải... Người dân sống gần bãi rác không hợp vệ sinh có tỷ lệ mắc các bệnh da liễu, viêm phế quản, đau xương khớp cao hơn hẳn những nơi khác. Một nghiên cứu tại Lạng Sơn cho thấy, tỷ lệ người ốm và mắc các bệnh như tiêu chảy, da liễu, hô hấp... tại khu vực chịu ảnh hưởng của bãi rác cao hơn hẳn so với các khu vực khác.

Các bãi chôn lấp rác cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ khác đối với cộng đồng làm nghề này. Các vật sắc nhọn, thủy tinh vỡ, bom kim tiêm cũ... có thể là mối đe dọa nguy hiểm với sức khỏe con người (lây nhiễm một số bệnh truyền nhiễm như: HIV, AIDS...) khi họ dẫm phải, hoặc bị cào xước vào tay, chân...

Cần tăng cường sức mạnh của cộng đồng

Trong nhiều năm qua, công tác quản lý CTR đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, thể hiện bằng các chính sách, pháp luật quản lý CTR đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 1994, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, trong Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, và cụ thể là trong Chiến lược quản lý CTR tại các đô thị và khu công nghiệp ở Việt Nam năm 1999 (nay được thay thế bằng Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR tới năm 2025 và tầm nhìn tới năm 2050). Tuy nhiên, kết quả đạt được trên thực tế vẫn còn hạn chế so với yêu cầu của Chiến lược đề ra, các mục tiêu quản lý CTR đặt ra còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện, cũng như hoàn thành mục tiêu.

Theo đánh giá của Báo cáo môi trường quốc gia hàng năm, hầu hết



Người dân sống gần bãi rác dễ mắc bệnh hơn hẳn những nơi khác

các chỉ tiêu bảo vệ môi trường về CTR đã được xác định trong Chiến lược Bảo vệ môi trường đến năm 2010 đều không đạt.

Vì thế, để nâng cao chất lượng xử lý và quản lý CTR đô thị, cũng như thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, cần phải triển khai thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, thực hiện tốt chính sách phát triển công nghiệp và công nghệ xử lý CTR: Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR xác định công nghệ xử lý CTR tại Việt Nam sẽ được phát triển theo hướng giảm thiểu tối đa lượng rác thải chôn lấp và tăng cường tỷ lệ tái chế, tái sử dụng. Quan điểm đặt ra là sử dụng công nghệ xử lý chất thải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Đồng thời, ưu tiên lựa chọn các công nghệ hoàn chỉnh trong nước có khả năng xử lý triệt để CTR, và có hiệu quả cao về kinh tế, kỹ thuật. Đặc biệt, ưu tiên sử dụng các công nghệ xử lý CTR khó phân hủy.

Thứ hai, rà soát lại và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý CTR ở nước ta: Hiện nay, hệ thống này còn chưa đầy đủ, đồng bộ, hoặc còn chồng chéo; chưa có một quy định thống nhất, toàn diện cho công tác quy hoạch quản lý CTR quốc gia. Một số chính sách đã được ban hành, nhưng cơ chế triển khai, các văn bản hướng dẫn vẫn còn thiếu, dẫn đến việc triển khai không hiệu quả, hoặc không thể đi vào thực tế. Thêm vào đó, công

tác kiểm tra, thanh tra thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế, các chế tài quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường đối với CTR còn chưa đủ sức răn đe, mức thi hành cưỡng chế có hiệu lực chưa cao dẫn đến hiệu quả quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Vì thế, cần rà soát đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính sách, pháp luật trong công tác quản lý CTR, từ đó đề xuất bổ sung hoàn thiện, đảm bảo cho hệ thống này được hoàn chỉnh, thống nhất và đồng bộ. Đánh giá tổng thể, rút kinh nghiệm thực hiện các chiến lược, quy hoạch về quản lý CTR trong giai đoạn vừa qua. Qua đó, xây dựng, điều chỉnh hệ thống chiến lược, chính sách làm cơ sở định hướng triển khai cho các cấp Trung ương và địa phương. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến CTR, sửa đổi các quy định về chức năng nhiệm vụ, phân công trách nhiệm của các cơ quan tham gia công tác quản lý CTR từ cấp Trung ương đến cấp địa phương; bổ sung các quy định về quản lý chất thải, phế liệu, sản phẩm thải bỏ; quy định, hướng dẫn về phân loại, thu gom, vận chuyển CTR.

Thứ ba, thay đổi phương thức quản lý môi trường, đặc biệt dựa vào sức mạnh cộng đồng để quản lý và xử lý CTR. Sự tham gia của cộng đồng làm tăng sự đồng thuận và niềm tin của nhân dân đối với các quyết định của chính quyền, tăng cường vai trò của cộng đồng địa phương, cũng như tăng cường tính dân chủ trong việc giải quyết

các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải.

Trước hết, cần tạo các cơ chế khuyến khích đối với hoạt động giảm thiểu và tái chế chất thải. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ cho khu vực tư nhân trong các dịch vụ quản lý chất thải, bao gồm: mở rộng các chương trình cho vay tín dụng nhỏ, phát triển thị trường cho các sản phẩm tái chế, phối hợp hoạt động giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước, hỗ trợ hợp tác trong quản lý chất thải và tư vấn các hoạt động quản lý chất thải hợp lý. Việc giảm thiểu các chi phí có thể thực hiện được thông qua tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động phân loại rác tại nguồn và các hoạt động tái chế.

Bên cạnh đó, để thu hút các doanh nghiệp tư nhân và tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh tham gia hoạt động trong lĩnh vực quản lý CTR, cũng như đẩy mạnh công tác xã hội hóa thu gom xử lý CTR trong thời gian tới, cần thực thi có hiệu quả một số chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án về môi trường, như bảo lãnh vay vốn tín dụng của các ngân hàng nước ngoài; ưu tiên khai thác các nguồn vốn ODA từ các chính phủ và các tổ chức quốc tế; vay vốn với lãi suất ưu đãi từ các quỹ hỗ trợ phát triển của Nhà nước và từ các quỹ môi trường; miễn thuế nhập khẩu đối với các thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư được nhập khẩu theo dự án quản lý CTR...

Ngoài ra, cần xây dựng và thực hiện chương trình nội địa hóa, phát huy nguồn lực trong nước để sản xuất trang thiết bị thu gom, vận chuyển và xử lý rác; thực hiện nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền”, “Người được hưởng lợi về môi trường phải trả tiền”, có nghĩa là mỗi người dân đều có nghĩa vụ tham gia đóng góp kinh phí để đảm bảo duy trì dịch vụ quản lý CTR. Đặc biệt, cần nâng cao nhận thức và giáo dục bảo vệ môi trường, tổ chức và tăng cường hiệu lực bộ máy thanh tra, kiểm tra, kết hợp các biện pháp chế tài, xử phạt vi phạm hành chính đối với quản lý CTR. ■

AN NHI